

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

ĐỀ 2

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Số thập phân gồm 7 chục, 3 đơn vị, 9 phần nghìn viết là:

- A. 73,9000 B. 73,009 C. 73,09 D. 73,0009

Phương pháp

Muốn viết (hoặc đọc) số thập phân, trước hết viết (hoặc đọc) phần nguyên, viết (hoặc đọc) dấu phẩy, sau đó viết (hoặc đọc) phần thập phân.

Lời giải

Số thập phân gồm 7 chục, 3 đơn vị, 9 phần nghìn viết là: **73,009**

Đáp án: B

Câu 2. Số thập phân bé nhất trong các số 241,25 ; 241,205 ; 240,98 ; 240,908 là:

- A. 241,25 B. 241,205 C. 240,98 D. 240,908

Phương pháp

So sánh các số thập phân theo quy tắc đã học

Lời giải

Ta có $240,908 < 240,98 < 241,205 < 241,25$

Vậy số thập phân bé nhất trong các số đã cho là 240,908

Đáp án: D

Câu 3. Bạn Nam đã tung một con xúc xắc 15 lần liên tiếp. Trong đó có 7 lần xuất hiện mặt 5 chấm.

Tỉ số của số lần xảy ra sự kiện mặt 5 chấm xuất hiện và tổng số lần tung là:

- A. $\frac{5}{15}$ B. $\frac{7}{15}$ C. $\frac{7}{5}$ D. $\frac{5}{7}$

Phương pháp

Tỉ số của a và b là $a : b$ hay $\frac{a}{b}$ (b khác 0)

Lời giải

Tỉ số của số lần xảy ra sự kiện mặt 5 chấm xuất hiện và tổng số lần tung là: $\frac{7}{15}$

Đáp án: B

Câu 4. Trên bản đồ tỉ lệ 1 : 800 000, quãng đường từ nhà Lan đến trường dài 5 mm. Trên thực tế, quãng đường từ nhà Lan đến trường dài:

- A. 4km B. 40 km C. 400 m D. 8 km

Phương pháp

Quãng đường từ nhà Lan đến trường = quãng đường trên bản đồ x 800 000

Lời giải

Quãng đường từ nhà Lan đến trường là: $5 \times 800\,000 = 4\,000\,000$ (mm)

Đổi: $4\,000\,000$ mm = 4 km

Đáp án: A

Câu 5. Chị Mai tiết kiệm tiền để mua một chiếc xe máy mới có giá là 72 triệu đồng. Biết rằng cứ 4 tháng chị Mai tiết kiệm được 24 triệu đồng. Chị Mai cần tiết kiệm mấy tháng thì đủ tiền mua chiếc xe máy đó.

A. 8 tháng B. 10 tháng C. 12 tháng D. 14 tháng

Phương pháp

Giải bài toán theo phương pháp tìm tỉ số

Lời giải

72 triệu đồng gấp 24 triệu đồng số lần là: $72 : 24 = 3$ (lần)

Chị Mai cần tiết kiệm số tháng thì đủ tiền mua chiếc xe máy đó là:

$$4 \times 3 = 12 \text{ (tháng)}$$

Đáp án: C

Câu 6. Khối lớp Bốn của một trường Tiểu học có số học sinh biết bơi ít hơn số học sinh chưa biết bơi là 52 học sinh và bằng $\frac{3}{7}$ số học sinh chưa biết bơi. Khối Bốn có số học sinh biết bơi là:



A. 39 học sinh B. 91 học sinh C. 42 học sinh D. 87 học sinh

Phương pháp

- Tìm hiệu số phần bằng nhau
- Tìm giá trị của 1 phần
- Số bạn biết bơi = Giá trị 1 phần x số phần của số học sinh biết bơi

Lời giải

Hiệu số phần bằng nhau là: $7 - 3 = 4$ (phần)

Số học sinh biết bơi là: $52 : 4 \times 3 = 39$ (bạn)

Đáp số: A

Câu 6. Một khu đất dạng hình chữ nhật có chiều dài 210 m, chiều rộng bằng $\frac{5}{7}$ chiều dài. Hỏi khu đất đó có diện tích là bao nhiêu héc-ta?

- A. 3,15 ha B. 15 ha C. 31,5 ha D. 1,5 ha

Phương pháp

- Tìm chiều rộng khu đất = chiều dài x $\frac{5}{7}$

- Diện tích khu đất = chiều dài x chiều rộng

Lời giải

Chiều rộng khu đất là $210 \times \frac{5}{7} = 150$ (m)

Diện tích khu đất là: $210 \times 150 = 31\ 500$ (m²) = 3,15 ha

Đáp án: A

II. TỰ LUẬN

Câu 1. Tính giá trị của biểu thức.

$$5\frac{1}{3} - \frac{4}{3} \times \frac{9}{20}$$

$$\frac{3}{5} \times \frac{8}{27} \times \frac{9}{16}$$

Phương pháp

Thực hiện tính theo các quy tắc đã học

Lời giải

$$5\frac{1}{3} - \frac{4}{3} \times \frac{9}{20} = \frac{16}{3} - \frac{3}{5} = \frac{80}{15} - \frac{9}{15} = \frac{71}{15}$$

$$\frac{3}{5} \times \frac{8}{27} \times \frac{9}{16} = \frac{3 \times 8 \times 9}{5 \times 27 \times 16} = \frac{3 \times 8 \times 9}{5 \times 9 \times 3 \times 8 \times 2} = \frac{1}{10}$$

Câu 2. Viết số hoặc số thập phân thích hợp vào chỗ chấm.

a) 29 kg 35 g = kg

b) 18 dm² 40 cm² = dm²

c) 6 ha 250 m² = ha

d) 75 200 ha = km²

Phương pháp

Áp dụng cách đổi:

$$1 \text{ g} = \frac{1}{1000} \text{ kg}; 1 \text{ cm}^2 = \frac{1}{100} \text{ dm}^2$$

$$1 \text{ m}^2 = \frac{1}{10000} \text{ ha}; 1 \text{ ha} = \frac{1}{100} \text{ km}^2$$

Lời giải

a) 29 kg 35 g = **29,035** kg

b) 18 dm² 40 cm² = **18,4** dm²

c) 6 ha 250 m² = **6,025** ha

d) 75 200 ha = **752** km²

Câu 3. Một tấm kính hình chữ nhật có chu vi 138 cm. Chiều dài hơn chiều rộng 25 cm. Tìm diện tích của tấm kính hình chữ nhật đó?

Phương pháp

- Tìm nửa chu vi của tấm kính
- Tìm chiều dài = (tổng + hiệu) : 2
- Tìm chiều rộng
- Diện tích tấm kính = chiều dài x chiều rộng

Lời giải

Nửa chu vi của tấm kính là:

$$138 : 2 = 69 \text{ (cm)}$$

Chiều dài của tấm kính là:

$$(69 + 25) : 2 = 47 \text{ (cm)}$$

Chiều rộng của tấm kính là:

$$47 - 25 = 22 \text{ (cm)}$$

Diện tích của tấm kính là:

$$47 \times 22 = 1\,034 \text{ (cm}^2\text{)}$$

Đáp số: 1 034 cm²

Câu 4. Trang trại nhà bác Minh có 1 270 con gà và vịt. Sau khi bán 150 con gà và 185 con vịt thì số gà còn lại bằng $\frac{1}{4}$ số vịt. Hỏi ban đầu trang trại nhà bác Minh có bao nhiêu con gà, bao nhiêu con vịt?

Phương pháp

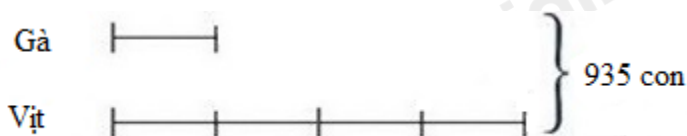
- Tìm tổng số gà và số vịt sau khi bán
- Vẽ sơ đồ
- Tìm tổng số phần bằng nhau và giá trị của 1 phần
- Tìm số gà sau khi bán = giá trị của 1 phần x số phần của số gà
- Tìm số gà ban đầu, số vịt ban đầu

Lời giải

Tổng số gà và số vịt còn lại sau khi bán là:

$$1\,270 - (150 + 185) = 935 \text{ (con)}$$

Ta có sơ đồ sau khi bán:



Tổng số phần bằng nhau là:

$$1 + 4 = 5 \text{ (phần)}$$

Giá trị của 1 phần hay số gà sau khi bán là:

$$935 : 5 = 187 \text{ (con)}$$

Số gà ban đầu là:

$$187 + 150 = 337 \text{ (con)}$$

Số vịt ban đầu là:

$$1\ 270 - 337 = 933 \text{ (con)}$$

Đáp số: Gà: 337 con

Vịt: 933 con